

TASK 1

The table below shows daily oil production in 4 countries from 2000 to 2004.

The table below shows daily oil production in 4 countries from 2000 to 2004

	2000	2001	2002	2003	2004
Nigeria	205.000	201.000	190.000	210.000	213.000
Chad	0	0	0	8.000	50.000
Congo	275.000	234.000	222.000	215.000	203.000
Somalia	5.000	8.000	17.000	21.000	50.000

Review thông tin và lên Dàn bài (2-3p)

Introduction: Giới thiệu về bảng biểu. (3p)

General statement:

Có xu hướng tăng về sản lượng dầu ở tất cả các quốc gia ngoại trừ Congo. Chad là nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất nhưng lại là 1 trong hai nhà sản xuất dầu thô với sản lượng thấp nhất.

Body 1: (5p)

Tả Nigeria và Congo là hai nước có sản lượng dầu cao vượt trội. Nhấn mạnh có sự hoán đổi vị trí xếp hạng giữa hai quốc gia này.

Body 2: (5p)

Tả Chad và Somalia là hai quốc gia với sản lượng dầu không đáng kể. Nhấn mạnh sự gia tăng nhanh chóng về số liệu của các nước này.

Check your answer (2p)

Sample answer

The table compares the number of barrels of oil produced in a single day in four African countries, namely Nigeria, Chad, Congo, and Somalia between 2000 and 2004. As can be seen, all countries witnessed an upward trend in their daily oil output, except for Congo. Noticeably, despite seeing the most rapid growth rate over 5 years, Chad remained one of the two smallest producers.

To begin with, there was a switch in ranks between Nigeria and Congo whose daily oil volume far outnumbered the other countries'. In 2000, Congo led in production, at 275,000 barrels whereas Nigeria only made 205,000 barrels per day. However, in 2004, Nigeria overtook Congo to rank first with 213,000 barrels being produced in a single day, 10,000 barrels more than the figure for Congo.

However, the daily oil production in the other two countries was insignificant. Specifically, 5000 barrels was the figure for Somalia in 2000, which then saw a steady rise until 2004 when it grew more than two-fold to reach 50,000 barrels per day. As for Chad, not until 2003 did this country record its very first 8000 barrels of crude oil produced on a daily basis and this amount surged to finish at an equal level of production to Somalia's in the last year.

- oil output (noun): sản lượng dầu
- a switch in ranks (noun): sự thay đổi về vị thế
- oil volume (noun): sản lượng dầu
- outnumber (verb): cao hơn về mặt giá trị, lượng, số lượng.
- to lead in production (verb): dẫn đầu về sản xuất
- overtake (verb): vượt qua về mặt giá trị và chiếm lấy vị trí của ai/ cái gì.
- record (verb): ghi nhận
- surge (verb): tăng vọt
- level of production (noun): mức độ sản xuất/ sản lượng.

TASK 2

'Sport has an important role in society. Some people believe that it is nothing more than leisure activities. Discuss both views and give your opinion?'

Dạng bài: Discuss both views and give your opinion

Dạng này luôn đưa ra 2 quan điểm trái chiều nhau về 1 vấn đề và yêu cầu người viết phải bàn luận 2 quan điểm đó và đưa ra ý kiến cá nhân của mình.

Dàn bài chung

Mở bài:

- Giới thiệu chủ đề
- Định hướng người đọc những gì sẽ được bàn luận ở thân bài

Thân bài:

- Bàn luận về ý kiến thứ nhất
- Bàn luận về ý kiến thứ hai

Kết bài:

- Khẳng định lại đề bài
- Đưa ra quan điểm cá nhân

Lưu ý: 2 Đoạn thân bài thường được mở đầu bằng cặp từ nối quen thuộc "On the one hand" và "On the other hand".

Dàn bài (3 - 4p lên dàn bài)

Introduction: (8p)

- Fact: Trong những năm gần đây, vận động viên được coi như người nổi tiếng nên ngành thể thao trở thành tâm điểm chú ý, thu hút sự chú ý về giá trị và lợi ích của nó.
- Statement: Một số người cho rằng thể thao có tầm quan trọng về mặt xã hội, trong khi những người khác thì nghĩ rằng nó chỉ phục vụ mục đích giải trí.
- Task: Những ý kiến xung quanh những giá trị thể thao đem lại sẽ được bàn bạc trong bài luận này.

Body paragraph 1: (10p)

Có thể hiểu vì sao một số người coi thể thao như một hoạt động giải trí lúc rảnh.

- Idea 1: Họ thiếu đặc điểm, tài năng cần thiết để trở thành vận động viên chuyên nghiệp.

- Idea 2: Tính giải trí trong thể thao ngày càng được chú trọng.

Body paragraph 2: (10p)

Thể thao đóng vai trò quan trọng trong xã hội.

- Idea 1: Chơi thể thao nâng cao sức khỏe, cả thể chất lẫn tinh thần.
- Idea 2: Thể thao giúp thúc đẩy các giá trị xã hội và nhân văn quan trọng.

Conclusion: (5p)

Nêu ý kiến cá nhân: Thể thao có thể đem lại nhiều lợi ích khác ngoài tính giải trí.

Đọc lại bài và check (3-4p)

TASK 2

'Sport has an important role in society. Some people believe that it is nothing more than leisure activities. Discuss both views and give your opinion?'

Bài viết mẫu:

With athletes **attaining celebrity status** in recent years, the sport industry is almost always **in the spotlight** (nêu chủ đề). While some attach social importance to sport, others think it only serves leisure purposes (nêu cả hai quan điểm). The various opinions surrounding the values of sport shall be closely **analyzed** within the scope of this essay.-->*định hướng những điều sẽ thảo luận trong bài*

It is understandable why some view sport as nothing but a hobby. As for casual players, while they are probably **fond of sports**, some may lack certain physical characteristics or gifts to play professionally. In fact, most people do not **possess** advantageous attributes like **innate talents** in terms of speed or flexibility. Thus, they are unlikely to pursue an athletic career, hence the emphasis on the **recreational** aspect of sport. It is also important to **acknowledge** the increasing focus on entertainment in sport. A notable example is professional wrestling where most matches are scripted in order to amuse audience.

Beyond entertainment, sport can play an important role in society with regard to health and other important values. Obviously, doing sports has a positive impact on both people's physical and mental well-being. Regular sports participation is widely known to **strengthen** bones, improve **mobility**, prevent **cardiovascular disease** and so on. Taking up sports also helps reduce stress and anxiety, leading to an improved **state of mind**. Furthermore, sport **promotes** psychological and humanitarian values that contribute to the development of society. Thanks to sport, the **dedication** and **resilience** (tính kiên cường) of **sportsmen**, especially those who are have disabilities, can inspire countless people.

Additionally, the Olympic Games, the FIFA World Cup and many regional competitions provide **opportunities** to establish **peace and cross-border cooperation**. For example, in 2008, the President of Armenia invited his Turkish **counterpart**(người tương nhiệm) to watch the World Cup qualifying match between the two countries, which in turn aided **reconciliation efforts**. --> *dẫn chứng cụ thể*

In conclusion, I believe that sport has much more to offer than just relaxation (nêu lên quan điểm cá nhân). The **aforementioned** health benefits and potential contribution to the **betterment** of society support this claim.

Từ vựng

attain celebrity status: trở thành người nổi tiếng

be in the spotlight: là tâm điểm của sự chú ý

attach importance to something: chú trọng điều gì đó

serve a purpose: phục vụ mục đích

nothing but = only: chỉ là, chỉ có

characteristic (n): đặc điểm

attribute (n): phẩm chất, đặc điểm

gift (n) = talent (n): tài năng

innate (adj): bẩm sinh, thiên phú

mobility (n): tính di động

a state of mind: trạng thái tâm trí

promote (v): thúc đẩy

be conducive to something: có lợi cho điều gì đó

differently abled (adj): khuyết tật

cross-border cooperation: hợp tác xuyên biên giới

reconciliation (n): sự hòa giải